TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST.
Ngày: 09/6/2020.
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Tám.

2. Bà Lý Thị Đào.

- Thư ký phiên toà: Ông Tô Văn Đằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Cẩm Th, sinh năm 1986 – Đại diện Hộ kinh doanh Tân Quang M 1.

Địa chỉ Hộ kinh doanh: Số 222, ấp HL, xã Ng.T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1994 *(theo giấy ủy quyền ngày 16/3/2020)* (có mặt).

Địa chỉ: Số 222, ấp HL, xã Ng.T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp HH, xã Ng.Đ, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H trình bày: Vào ngày 27/01/2019, hộ kinh doanh Tân Quang M 1 do ông Trịnh Cẩm Th đại diện có ký kết

hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản số 29/2019/HĐMB-HKDTQM1 với ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C, mục đích hợp đồng mua bán nêu trên để ông M và bà C nuôi tôm. Theo thỏa thuận ông Thăng bán cho ông Mi, bà C các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, Grobest, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao hàng thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Bên hộ kinh doanh sẽ giao hàng cho ông M và bà C tại kho hàng của hộ kinh doanh theo đơn hàng hoặc vận chuyển đến địa điểm của ông M, bà C nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì ông M, bà C ký xác nhận việc giao hàng cho bên hộ kinh doanh. Thực hiện hợp đồng, ông Th đã nhiều lần bán thức ăn nuôi tôm cho ông M, bà C. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông M, bà C có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ khi thu hoạch tôm với tổng số tiền 168.605.000 đồng. Tuy nhiên, ông M, bà C không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Đến ngày 11/03/2019 thì ông M và bà C tiếp tục mua thêm thức ăn chăn nuôi thủy sản và còn nợ tổng số tiền là 192.409.000 đồng, theo bản đối chiếu công nợ do bà C ký với chủ hộ kinh doanh là ông Trịnh Cẩm Th. Hộ kinh doanh Tân Quang M 1 đã nhiều lần yêu cầu ông M, bà C thanh toán nợ nhưng ông M, bà C chỉ hứa hẹn mà không thanh toán.

Nay ông Trịnh Cẩm Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C trả cho ông Th số tiền nợ là 192.409.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/02/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày*: Bà C thừa nhận bà chồng bà là ông Nguyễn Văn M có mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản của ông Trịnh Cẩm Th là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M 1, bắt đầu mua từ khoảng năm 2016. Bà và ông M mua thức ăn nuôi tôm, thuốc và hóa chất của ông Th để nuôi tôm. Khi mua bán thì hai bên kết toán mỗi năm, bà và ông M có thanh toán cho ông Th được 03 lần vào ngày 08/01/2017 trả 40.000.000 đồng, vào ngày 13/11/2017 trả 10.000.000 đồng và ngày 23/11/2018 trả 154.000.000 đồng, khi kết toán xong thì bà và ông M vẫn tiếp tục mua thức ăn nuôi tôm của ông Th. Đến ngày 11/3/2019 hai bên kết toán công nợ thì bà và ông M còn nợ lại của ông Trịnh Cẩm Th là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M 1 tổng số tiền 192.409.000 đồng.

Nay bà C đồng ý cùng ông M trả cho chủ hộ kinh doanh Tân Quang M 1 là ông Trịnh Cẩm Th tổng số tiền 192.409.000 đồng. Nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn do làm ăn thất bại, nên bà C yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt tổng số tiền nợ gốc 192.409.000 đồng.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn M theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông M không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà C và ông M vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn nêu trên.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M 1có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C. Đến ngày 11/3/2019, bà Nguyễn Thị Kim C ký bảng đối chiếu xác nhận công nợ với tổng số tiền còn nợ là 192.409.000 đồng, nhưng ông M và bà C không thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận. Nên ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C trả số tiền nợ mua bán mua thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Th là 192.409.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

[2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/02/2020 (BL 56) bà Nguyễn Thị Kim C thừa nhận bà và ông M có mua thức ăn và thuốc thủy sản của hộ kinh doanh Tân Quang M 1 do ông Trịnh Cẩm Th đại diện và hiện nay còn nợ số tiền 192.409.000 đồng. Nay bà C đồng ý cùng ông M trả cho ông Trịnh Cẩm Th số nợ 192.409.000 đồng. Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Trịnh Cẩm Th đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi thủy sản cho bên mua là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C. Ông M và bà C đã nhận đủ tài sản do ông Th chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông M và bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Th theo thỏa thuận. Tính từ ngày 11/3/2019 đến nay, ông M và bà C còn nợ của ông Th số tiền mua thức ăn và thuốc chăn nuôi tôm là 192.409.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trịnh Cẩm Th yêu cầu ông M và bà C trả số tiền nợ 192.409.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Xét thấy, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Cẩm Th được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th – Đại diện hộ kinh doanh Tân Quang M 1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C trả số tiền 192.409.000 đồng.

[2] Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Cẩm Th – Đại diện hộ kinh doanh Tân Quang M 1 tổng số tiền 192.409.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th – Đại diện hộ kinh doanh Tân Quang M 1 không yêu cầu tính lãi, nên không đặt ra xem xét.

[4] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trịnh Cẩm Th – Đại diện hộ kinh doanh Tân Quang M 1 có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C chậm trả số tiền nêu trên cho ông Trịnh Cẩm Th, thì ông M và bà C phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Trịnh Cẩm Th, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.620.450 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

[5.2] Ông Trịnh Cẩm Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.810.000 đồng theo biên lai thu số 0000110 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ái Mỹ